

Mã thủ tục:**Tên quy trình:** Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước**1. Cấp thực hiện:** Cấp tỉnh, huyện**2. Lĩnh vực:** Tài chính Đầu tư**3. Trình tự thực hiện:****3.1** **Gửi (nộp) hồ sơ:**

Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán. Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:

Dự án	Quan trọng Quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Tài chính Hà Giang**Địa điểm gửi hồ sơ:** Trực tiếp Tại Phòng TC Đầu tư - Sở Tài chính Hà Giang (Số 6, đường Bạch Đằng, Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang)**Thành phần hồ sơ:** Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:**a) Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành; dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:**

SỐ TT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu		Bản chính	02

	tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên			
2	Biểu mẫu báo cáo quyết toán	Mẫu số 01/QTDA, 02/QTDA, 03/QTDA, 04/QTDA, 05/QTDA, 06/QTDA, 07/QTDA, 08/QTDA (kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)	Bản chính	02
3	Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan	Mẫu số 02/QTDA (kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)	Bản chính; Bản sao văn bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
4	Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu: Hợp đồng xây dựng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh		Bản chính; Bản sao văn bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01

	lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành			
5	Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính), văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính)		Bản chính; Bản sao văn bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
6	Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán		Bản chính	02
7	Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các ý kiến của các cơ quan nêu trên		Bản sao	02
	Hồ sơ giấy 01 bộ			
<i>b) Đối với dự án quy hoạch, dự án chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn chi đầu tư phát triển (nếu có), dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt</i>				

<i>thiết bị:</i>				
Số TT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư		Bản chính	02
2	Biểu mẫu báo cáo quyết toán	Mẫu số 03/QTDA, 08/QTDA, 09/QTDA (kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)	Bản chính	02
3	Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan	Mẫu số 09/QTDA (kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTC)	Bản chính; Bản sao văn bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
4	Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng		Bản chính; Bản sao văn bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
5	Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của kiểm		Bản chính	02

	toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán			
6	Báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các ý kiến của các cơ quan nêu trên		Bản sao	02
Hồ sơ giấy 01 bộ				

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

3.2 Giải quyết hồ sơ

A/ Thời gian thẩm tra quyết toán tại Sở Tài chính cụ thể: *Thời gian thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính quy định rút ngắn hơn 01 tháng so với thời gian quy định của Thông tư 10/2020/TT-BTC*

Dự án	Quan trọng Quốc gia	Nhóm A		Nhóm B		Nhóm C	
	Theo Thông tư 10/2020/TT-BTC	Theo Thông tư 10/2020/TT-BTC	Theo quy định của STC	Theo Thông tư 10/2020/TT-BTC	Theo quy định của STC	Theo Thông tư 10/2020/TT-BTC	Theo quy định của STC

Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	07 tháng	04 tháng	03 tháng	03 tháng	02 tháng
--	----------	----------	---------------------------	----------	---------------------------	----------	---------------------------

Thời gian thẩm tra quyết toán tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

a) Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Phòng TC Đầu tư Sở Tài chính Hà Giang. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ viết phiếu giao nhận hồ sơ **(Mẫu số 13/QTDA)**.

b) Bước 2: Thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, thông báo cho chủ đầu tư trong thời hạn không quá 07 ngày;
- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho chủ đầu tư không quá 07 ngày;
- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo.

c) Bước 3: Mời chủ đầu tư đến để thống nhất số liệu và ký biên bản (nếu cần).

d) Bước 4: Kiểm tra và ký biên bản:

- Nếu đồng ý: ký biên bản
- Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 3.

đ) Bước 5: Lập báo cáo thẩm tra quyết toán.

e) Bước 6: Kiểm tra báo cáo:

- Nếu đồng ý: Ký nháy vào báo cáo, trình Lãnh đạo Sở xem xét.
- Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 5.

g) Bước 7: Kiểm tra và ký báo cáo:

- Nếu đồng ý: Ký và gửi cấp có thẩm quyền;
- Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 6.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Phòng TC Đầu tư của Sở Tài chính Hà Giang

Địa điểm trả kết quả: Tại Phòng TC Đầu tư - Sở Tài chính Hà Giang (Số 6, đường Bạch Đằng, Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).

Kết quả giải quyết:					
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng	
1	Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán		Bản chính	01	
2	Biên bản thẩm tra quyết toán		Bản chính; Bản sao hoặc photocopy	01	
	Hồ sơ: 01 bộ				
B/ UBND tỉnh xem xét phê duyệt quyết toán:					
	Dự án	Quan trọng Quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
	Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày
<p><i>Thời gian phê duyệt quyết toán tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.</i></p> <p><i>Ghi chú: Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.</i></p>					
Cách thức thực hiện: Gửi thông qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành (VNPT iOffice)					
Địa điểm trả kết quả: Gửi thông qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành (VNPT iOffice)					
Kết quả giải quyết:					
STT	Tên kết quả	Mẫu kết quả	Tiêu chuẩn	Số lượng	
1	Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành		Bản chính	01	
4	Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn.				
5	Cơ quan giải quyết: - <i>Cơ quan thực hiện:</i> Sở Tài chính				

- Cơ quan phối hợp: Theo yêu cầu của Sở Tài chính và các Sở, ngành, đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan (nếu có)

- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh.

* **Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán:** Là chi phí tối đa được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt hoặc tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ) và tỷ lệ quy định tại bảng định mức chi phí kiểm toán độc lập và chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới đây:

Loại chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ (tỷ đồng)						
	≤5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Thẩm tra, phê duyệt quyết toán (%)	0,57	0,39	0,285	0,225	0,135	0,09	0,048

a) Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án hoàn thành được xác định theo công thức sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó:

- 6
- + K_i : Định mức chi phí tương ứng với dự án cần tính (đơn vị tính: %).
 - + K_a : Định mức chi phí tương ứng với dự án cận trên (đơn vị tính: %).
 - + K_b : Định mức chi phí tương ứng với dự án cận dưới (đơn vị tính: %).
 - + G_i : Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ cần tính (đơn vị tính: Tỷ đồng).
 - + G_a : Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ cận trên (đơn vị tính: Tỷ đồng).
 - + G_b : Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ cận dưới (đơn vị tính: Tỷ đồng).

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án hoàn thành:

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án	=	Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án	x	Tổng mức đầu tư của dự án sau loại trừ
--	---	---	---	--

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm ngàn đồng.

b) Chi phí tối đa của chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành (có quyết định phê duyệt dự án riêng) của dự án được xác định trên cơ sở giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án thành phần, tiểu dự án sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là

Tổng mức đầu tư của dự án thành phần, tiểu dự án sau loại trừ):

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt dự án riêng:

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án thành phần, tiểu dự án

=

Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án

x

Tổng mức đầu tư của dự án thành phần, tiểu dự án sau loại trừ

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm ngàn đồng.

c) Chi phí tối đa của chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành của dự án được xác định trên cơ sở giá trị dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh của công trình, hạng mục công trình độc lập sau khi loại trừ chi phí dự phòng (sau đây gọi chung là dự toán công trình, hạng mục công trình sau loại trừ):

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành của dự án:

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của công trình, hạng mục công trình

=

Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án

x

Dự toán công trình, hạng mục công trình sau loại trừ

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là năm trăm ngàn đồng.

d) Tổng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình không được vượt chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của toàn bộ dự án hoặc dự toán (nếu có).

đ) Dự án có chi phí thiết bị chiếm tỷ trọng $\geq 50\%$ tổng mức đầu tư được duyệt: Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được tính bằng 70% định mức quy định tại bảng định mức nêu trên.

e) Đối với dự án, dự án thành phần, tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư độc lập có quyết định phê duyệt dự án riêng: Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được tính tối đa bằng 50% định mức quy định tại bảng định mức nêu trên.

Trường hợp dự án không tách riêng nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần, tiểu dự án độc lập thì định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án được tính bằng 50% định mức quy định tại bảng định mức nêu trên.

g) Dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình đã được nhà thầu kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán hoặc cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này: Định mức chi phí thẩm tra,

	phê duyệt quyết toán được tính bằng 50% định mức quy định tại bảng định mức nêu trên.
7	Yêu cầu, điều kiện thực hiện (nếu có): Không
8	Căn cứ pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 2 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.- Các văn bản pháp quy có liên quan.